

TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Số: 212 /TB-CN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 21 tháng 8 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Bán niên 2025 soát xét với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai

- Mã chứng khoán: DNW

- Địa chỉ: Số 48, đường Cách mạng tháng Tám, Phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

- Điện thoại liên hệ: 0251 3843316

- Email: capnuocdongnai@dowaco.vn; Website: dowaco.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Bán niên 2025 soát xét:

☒ BCTC riêng (CTĐCQML không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (CTĐCQML có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (CTĐCQML có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được soát xét/kiểm toán):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày ..21.../8/2025 tại đường dẫn <https://dowaco.vn/quan-he-co-dong>.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Riêng và Hợp nhất Bán niên 2025
soát xét.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/ UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Nguyễn Cao Hà

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1 – 2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

3 – 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

5 – 6

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

8 – 9

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

10 – 47

0236
CÔNG
TN
M TOÁN
RSM VI
PHỞ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soát xét của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phạm Thị Hồng	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 28/02/2025)
Ông Đặng Văn Chất	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 28/02/2025)
Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên
Ông Trần Văn Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên
Ông Võ Văn Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Công Hiếu	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Lê Thị Ngọc Sáu	Trưởng ban
Ông Nguyễn An Quốc	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Khang	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Văn Nguyên	Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/03/2025)
Bà Phạm Thị Hồng	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/03/2025)
Ông Đặng Văn Chất	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Cao Hà	Phó Giám đốc
Ông Lê Thành Trung	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/04/2025)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Văn Nguyên
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 15 tháng 08 năm 2025

Số: 35/2025/SX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: **Các cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 15 tháng 08 năm 2025, từ trang 05 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO SOÁT XÉT (TIẾP THEO)**Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai và các công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/03/2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

Trịnh Thanh Thanh
Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2025-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP.Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2025

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		740.076.911.263	817.442.877.562
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		61.221.827.681	41.792.675.739
1. Tiền	111	4.1	61.221.827.681	41.792.675.739
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		552.000.000.000	664.200.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	552.000.000.000	664.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		77.458.784.746	65.133.208.554
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	50.816.834.118	42.204.513.209
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	15.793.403.682	4.828.504.441
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	16.796.475.127	24.048.119.085
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(5.947.928.181)	(5.947.928.181)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	49.063.113.426	44.576.708.453
1. Hàng tồn kho	141		49.317.912.334	44.831.507.361
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(254.798.908)	(254.798.908)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		333.185.410	1.740.284.816
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.11	204.329.043	406.485.165
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		128.856.367	1.181.528.576
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	-	152.271.075
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.652.966.812.305	2.705.993.364.323
I. Tài sản cố định	220		2.420.133.332.066	2.457.823.713.725
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	2.128.569.302.964	2.162.478.110.704
Nguyên giá	222		5.617.491.431.359	5.504.244.096.915
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.488.922.128.395)	(3.341.765.986.211)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	291.564.029.102	295.345.603.021
Nguyên giá	228		375.583.534.291	375.463.534.291
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(84.019.505.189)	(80.117.931.270)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		153.927.846.754	168.437.411.003
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	153.927.846.754	168.437.411.003
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	52.804.250.936	54.845.648.605
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		18.442.131.108	19.672.049.566
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		54.209.842.490	54.209.842.490
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(19.847.722.662)	(19.036.243.451)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		26.101.382.549	24.886.590.990
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	26.101.382.549	24.886.590.990
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.393.043.723.568	3.523.436.241.885

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.056.729.984.271	1.077.643.004.439
I. Nợ ngắn hạn	310		473.573.528.392	472.917.580.128
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	49.476.803.015	60.628.524.458
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.432.139.468	6.041.087.090
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	25.760.637.984	15.070.984.256
4. Phải trả người lao động	314	4.14	50.352.513.458	73.447.730.583
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	41.254.125.382	9.130.233.679
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	18.454.033.684	17.374.196.605
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	208.619.555.764	223.201.073.681
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.18	74.223.719.637	68.023.749.776
II. Nợ dài hạn	330		583.156.455.879	604.725.424.311
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		6.449.722.373	6.608.516.442
2. Phải trả dài hạn khác	337		-	1.382.977.596
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	576.706.733.506	596.733.930.273
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.336.313.739.297	2.445.793.237.446
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.19.1	2.336.313.739.297	2.445.793.237.446
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		118.520.157.819	118.520.157.819
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		26.218.693.500	26.218.693.500
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(64.235.766.100)	(64.235.766.100)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		386.938.592.959	297.447.141.822
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		540.488.775.814	746.419.618.043
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		427.576.039.047	413.716.576.261
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		112.912.736.767	332.703.041.782
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		128.383.285.305	121.423.392.362
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.393.043.723.568	3.523.436.241.885



Trần Văn Nguyên
Giám đốc

Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Bách Thảo
Người lập

Đồng Nai, ngày 15 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	655.575.294.698	646.733.531.391
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		655.575.294.698	646.733.531.391
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	399.979.797.425	393.091.120.923
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		255.595.497.273	253.642.410.468
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	14.678.251.787	60.818.793.061
6. Chi phí tài chính	22	5.4	62.671.635.948	16.832.447.484
Trong đó, chi phí lãi vay	23		13.111.254.031	14.676.556.553
7. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		1.262.960.267	1.269.187.710
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	36.961.677.706	33.673.821.649
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	36.420.722.836	40.691.803.990
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		135.482.672.837	224.532.318.116
11. Thu nhập khác	31		3.728.576.371	4.850.453.043
12. Chi phí khác	32		2.334.629.100	1.876.806.515
13. Lợi nhuận khác	40		1.393.947.271	2.973.646.528
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		136.876.620.108	227.505.964.644
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	14.460.067.883	24.011.431.752
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		122.416.552.225	203.494.532.892
17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		114.222.486.331	196.044.235.216
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		8.194.065.894	7.450.297.676
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.19.4	854	1.465
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.19.5	854	1.465

Trần Văn Nguyên
Giám đốcNguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởngNguyễn Bách Thảo
Người lập

Đồng Nai, ngày 15 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		136.876.620.108	227.505.964.644
2. Điều chỉnh cho các khoản:				-
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		151.057.716.103	154.518.559.405
Các khoản dự phòng	03		811.479.211	6.081.672.974
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		47.375.215.814	(45.606.373.143)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(15.875.592.791)	(13.552.804.612)
Chi phí lãi vay	06	5.4	13.111.254.031	14.676.556.553
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		333.356.692.476	343.623.575.821
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.964.539.481)	(4.660.002.431)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.486.404.973)	(1.776.368.607)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		17.956.616.534	(61.806.900.318)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.012.635.437)	1.060.827.871
Tiền lãi vay đã trả	14		(13.541.858.648)	(15.635.033.182)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	(9.497.003.394)	(13.499.644.163)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(33.735.801.788)	(19.703.431.403)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		282.075.065.289	227.603.023.588
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(121.812.421.141)	(52.873.403.115)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	81.521.279
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(374.500.000.000)	(516.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		486.700.000.000	399.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1.140.120.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20.198.127.592	14.070.280.549
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		10.585.706.451	(157.561.721.287)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	29.208.653.000	70.496.619.005
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(111.192.583.498)	(111.131.745.784)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.19.6	(191.247.689.300)	(106.535.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(273.231.619.798)	(40.741.662.279)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM				
(50 = 20+30+40)	50		19.429.151.942	29.299.640.022
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		41.792.675.739	52.208.598.923
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	61.221.827.681	81.508.238.945

Trần Văn Nguyên
Giám đốcNguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởngNguyễn Bách Thảo
Người lập

Đồng Nai, ngày 15 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty" hoặc "công ty mẹ") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Cấp nước Đồng Nai, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 05 tháng 09 năm 2014, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600259296 ngày 01 tháng 01 năm 2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 07 tháng 03 năm 2025 để thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 53/2015/GCNCP-VSD ngày 03 tháng 07 năm 2015 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngày 09 tháng 03 năm 2016, Công ty chính thức được giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với Mã chứng khoán là DNW.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1.200.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Các cổ đông khác	Việt Nam	767.869.200.000	63,99	767.869.200.000	63,99
		432.130.800.000	36,01	432.130.800.000	36,01
Cộng		1.200.000.000.000	100	1.200.000.000.000	100

Công ty có đầu tư vào 02 công ty con như được trình bày tại Mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2025 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Quản lý ghi thu	Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Biên Hòa	Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Long Bình	Tổ 8, Khu phố 9, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Thiện Tân	Số 329, đường Nhà máy nước Thiện Tân, Tổ 2, Khu phố 10, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Nhơn Trạch	Số 327, đường Nhà máy nước Thiện Tân, Tổ 2, Khu phố 10, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Vĩnh An	Tổ 1, Khu phố 1, xã Trị An, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Xuân Lộc	Tổ 1, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Khu phố 7, xã Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Cấp nước Thạnh Phú	Số 119, ấp Vàm, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Long Thành	Số 113, Đường Lê Duẩn, khu Phước Hải, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30/06/2025 là 1009 (01/01/2025: 1017).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp nước sạch, dịch vụ lắp đặt và sản xuất nước tinh khiết.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước;
- Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.5. Các công ty con được hợp nhất

STT	Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	Cung cấp nước sạch và dịch vụ lắp đặt	KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	52,44%	52,44%
2.	Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	Cung cấp nước sạch và dịch vụ lắp đặt	Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	51,00%	51,00%

1.6. Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Cung cấp nước sạch và dịch vụ lắp đặt	Số 52, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	36,00%	36,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Tập đoàn chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch;
- Riêng đối với khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là các khoản vay, tỷ giá áp dụng là tỷ giá chéo của Đồng Việt Nam so với một số ngoại tệ áp dụng tính thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu do Ngân hàng Nhà nước công bố.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản khoản tiền gửi có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư khác được tính dựa trên giá trị hợp lý nếu giá trị hợp lý được xác định một cách đáng tin cậy. Nếu không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 25 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 – 30 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 12 năm
▪ Tài sản khác	05 – 40 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất từ 20 đến 48 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Chi phí quy hoạch bản đồ

Chi phí quy hoạch bản đồ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 25 năm.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, tiền bồi thường giải phóng mặt bằng và các khoản khác. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 07 đến 36 tháng vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng hệ thống cấp nước Thiện Tân giai đoạn II phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ theo dòng đời của dự án (486 tháng) vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.11. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

3.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh hợp nhất của kỳ báo cáo.

3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong kỳ vào ngày công bố cổ tức.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản của công ty con tại thời điểm cổ phần hóa và tình hình xử lý số chênh lệch này ở Tập đoàn trong kỳ.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.15. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư vào công ty liên kết

Kết quả kinh doanh của công ty liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty liên kết.

3.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.18. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán thành phẩm, cung cấp dịch vụ, bao gồm các khoản lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí vật tư xuất dùng cho hoạt động xây lắp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Tập đoàn được hưởng mức thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với hoạt động kinh doanh cung cấp nước sạch theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 của Bộ Tài chính áp dụng cho đơn vị xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ cung cấp nước sạch: 5%;
- Dịch vụ lắp đặt công trình từ nguồn kinh phí công cộng: Không chịu thuế;
- Dịch vụ lắp đặt khác: 10%;
- Cung cấp nước khoáng: 10%.

Riêng cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2025, theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 174/2024/QH15 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 30 tháng 11 năm 2024, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2025.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

3.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.22. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3.23. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**4.1. Tiền**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền mặt	231.657.243	135.068.030
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	60.990.170.438	41.657.607.709
Cộng	61.221.827.681	41.792.675.739

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi kỳ hạn dưới 12 tháng được chi tiết như sau:

Ngân hàng	Kỳ hạn	Lãi suất	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 4,0%/năm đến 5%/năm	280.500.000.000	312.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 4,1%/năm đến 5%/năm	126.000.000.000	232.700.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 3,7%/năm đến 4,8%/năm	65.000.000.000	40.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 5,2%/năm đến 6%/năm	32.000.000.000	22.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	6 tháng	5,6%/năm	23.500.000.000	23.500.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 4,2%/năm đến 4,6%/năm	17.000.000.000	11.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	Từ 6 đến 12 tháng	4,3%/năm	8.000.000.000	18.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc dân			-	5.000.000.000
Cộng			552.000.000.000	664.200.000.000

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai (a)	7.800.368.003	18.442.131.108	7.800.368.003	19.672.049.566

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	VND			VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân (b)	50.000.000.000	(19.847.722.662)	(*)	50.000.000.000	(19.036.243.451)	(*)
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức (c)	2.179.842.490	-	6.558.540.300	2.179.842.490	-	7.251.163.200
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi (d)	2.030.000.000	-	3.589.000.000	2.030.000.000	-	3.100.000.000
Cộng	54.209.842.490	(19.847.722.662)		54.209.842.490	(19.036.243.451)	

(a) Khoản đầu tư chiếm 36,00% vốn điều lệ của CTCP Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam, giao dịch trên sàn UPCoM với Mã chứng khoán là DVW. Ngành nghề hoạt động chính của CTCP Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai là cung cấp nước sạch và dịch vụ lắp đặt.

(b) Khoản đầu tư chiếm 8,30% vốn điều lệ của CTCP Cấp nước Gia Tân, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Ngành nghề hoạt động chính của CTCP Cấp nước Gia Tân là khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.

(c) Khoản đầu tư chiếm 0,10% vốn điều lệ của CTCP Sonadezi Châu Đức, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam, niêm yết trên sàn HOSE với Mã chứng khoán là SZC. Ngành nghề hoạt động chính của CTCP Sonadezi Châu Đức là đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, kinh doanh bất động sản.

(d) Khoản đầu tư chiếm 2,00% vốn điều lệ của CTCP Dịch vụ Sonadezi, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam, giao dịch trên sàn UPCoM với Mã chứng khoán là SDV. Ngành nghề hoạt động chính của CTCP Dịch vụ Sonadezi là thu gom rác thải không độc hại.

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tập đoàn đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Tập đoàn đang nắm giữ tại ngày 30/06/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư tại 01/01	19.036.243.451	16.474.988.870
Trích lập trong kỳ	811.479.211	2.068.602.423
Số dư tại 30/06	19.847.722.662	18.543.591.293

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	4.496.111.085	119.205.330
Phải thu từ khách hàng:		
Hợp tác xã An Hòa	5.261.071.175	5.261.071.175
Các khách hàng khác (*)	41.059.651.858	36.824.236.704
Cộng	50.816.834.118	42.204.513.209

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu của khách hàng ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	971.186.381	-
Trả trước cho người bán:		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Á Châu	2.727.300.467	1.774.621.867
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Thương mại Dịch vụ Đức Anh	2.385.133.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng – Cấp thoát nước và Môi trường Waseen	1.890.647.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	1.619.469.733	-
Các nhà cung cấp khác (*)	6.199.667.101	3.053.882.574
Cộng	15.793.403.682	4.828.504.441

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, trả trước các nhà cung cấp khác có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu liên quan đến Dự án cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 1	4.016.570.551	(3.770.820.351)	4.016.570.551	(3.770.820.351)
Tạm ứng vật tư lắp đặt tuyến cấp nước D300 dọc đường ven sông Đồng Nai	4.742.531.868	-	4.014.591.980	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	5.150.843.834	-	8.458.537.810	-
Các khoản phải thu khác (*)	2.886.528.874	-	7.558.418.744	-
Cộng	16.796.475.127	(3.770.820.351)	24.048.119.085	(3.770.820.351)

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, các khoản phải thu khác có số dư mỗi khoản phải thu dưới 10% tổng số phải thu khác ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.6. Nợ xấu**

Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn hoặc nợ phải thu khác chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên	9.154.608.161	10.640.464.387
Phải thu khác liên quan đến Dự án cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn I (*)	3.770.820.351	3.770.820.351
Các khoản trả trước cho nhà cung cấp không có khả năng thu hồi	235.811.000	235.811.000
Cộng	13.161.239.512	14.647.095.738

(*) Khoản phải thu lại các nhà thầu thuộc Dự án cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn I do cắt giảm giá trị khối lượng các gói thầu theo Thông báo số 458/TB-KV XIII ngày 28/12/2018 của Kiểm toán Nhà nước. Khoản này không bao gồm thuế giá trị gia tăng phải thu lại ngân sách Nhà nước, với tổng giá trị là 245.750.200 VND.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư tại 01/01	5.947.928.181	2.471.385.292
Trích lập trong kỳ	-	4.016.570.551
Hoàn nhập trong kỳ	-	(3.500.000)
Số dư tại 30/06	5.947.928.181	6.484.455.843

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	46.490.606.324	(254.798.908)	42.001.505.366	(254.798.908)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.417.784.572	-	2.443.922.513	-
Công cụ, dụng cụ	298.261.506	-	319.673.039	-
Thành phẩm	111.259.932	-	66.406.443	-
Cộng	49.317.912.334	(254.798.908)	44.831.507.361	(254.798.908)

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Dự án cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn II (*)	88.706.392.139	88.706.392.139
Dự án tuyến ống cấp nước Cảng hàng không quốc tế Long Thành	22.041.683.593	21.391.951.593
Các dự án khác	43.179.771.022	58.339.067.271
Cộng	153.927.846.754	168.437.411.003

(*) Là chi phí phát sinh thực tế của giai đoạn thiết kế chi tiết và hỗ trợ đầu thầu của Dự án xây dựng hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 2 với tổng mức đầu tư là 3.567.712.000.000 VND. Tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2025, Dự án hiện đang tạm dừng để hoàn thiện hồ sơ pháp lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc dùng vốn vay có vốn hỗ trợ phát triển của Chính phủ.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2025	1.011.547.479.158	1.223.623.962.750	3.208.748.943.641	52.254.335.242	8.069.376.124	5.504.244.096.915
Mua trong kỳ	-	1.787.370.204	2.532.637.018	42.500.000	-	4.362.507.222
XDCB hoàn thành	322.853.519	1.849.331.193	106.589.473.375	346.525.926	-	109.108.184.013
Giảm khác	-	(223.356.791)	-	-	-	(223.356.791)
Tại ngày 30/06/2025	1.011.870.332.677	1.227.037.307.356	3.317.871.054.034	52.643.361.168	8.069.376.124	5.617.491.431.359
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2025	625.786.269.191	979.869.585.500	1.676.781.603.013	51.832.757.783	7.495.770.724	3.341.765.986.211
Khấu hao trong kỳ	19.052.425.881	34.180.916.580	93.692.866.468	177.135.201	69.203.640	147.172.547.770
Giảm khác	-	(16.405.586)	-	-	-	(16.405.586)
Phân loại lại	(351.135.041)	351.135.041	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2025	644.487.560.031	1.014.385.231.535	1.770.474.469.481	52.009.892.984	7.564.974.364	3.488.922.128.395
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2025	385.761.209.967	243.754.377.250	1.531.967.340.628	421.577.459	573.605.400	2.162.478.110.704
Tại ngày 30/06/2025	367.382.772.646	212.652.075.821	1.547.396.584.553	633.468.184	504.401.760	2.128.569.302.964

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2025 của TSCĐ hữu hình là 931.572.163.828 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.17.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.125.352.770.760 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Chi phí quy hoạch bản đồ VND	Chương trình phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2025	369.708.986.176	2.814.843.027	2.939.705.088	375.463.534.291
Mua trong kỳ	-	-	120.000.000	120.000.000
Tại ngày 30/06/2025	369.708.986.176	2.814.843.027	3.059.705.088	375.583.534.291
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2025	75.418.667.692	1.956.921.393	2.742.342.185	80.117.931.270
Khấu hao trong kỳ	3.845.735.238	28.616.460	27.222.221	3.901.573.919
Tại ngày 30/06/2025	79.264.402.930	1.985.537.853	2.769.564.406	84.019.505.189
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2025	294.290.318.484	857.921.634	197.362.903	295.345.603.021
Tại ngày 30/06/2025	290.444.583.246	829.305.174	290.140.682	291.564.029.102

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình là 284.021.407.512 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.17.

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.004.269.088 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.11. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	131.743.678	116.143.702
Các khoản khác	72.585.365	290.341.463
Cộng	204.329.043	406.485.165
Dài hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.179.977.968	2.976.055.112
Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng của Dự án hệ thống cấp nước Thiện Tâm giai đoạn II	19.443.102.814	19.692.373.360
Các khoản khác	3.478.301.767	2.218.162.518
Cộng	26.101.382.549	24.886.590.990

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	7.486.388.824	7.486.388.824	16.862.450.938	16.862.450.938
Phải trả cho người bán:				
Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới	8.263.240.795	8.263.240.795	8.465.060.116	8.465.060.116
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	7.551.021.500	7.551.021.500	5.304.915.340	5.304.915.340
Công ty Cổ phần Hawaco Miền Nam	3.895.975.672	3.895.975.672	1.400.004.000	1.400.004.000
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	22.280.176.224	22.280.176.224	28.596.094.064	28.596.094.064
Cộng	49.476.803.015	49.476.803.015	60.628.524.458	60.628.524.458

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, các khoản phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng dưới 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	5.852.678.117	8.651.178.161	14.242.854.112	-	261.002.166
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	13.249.036.239	9.497.003.394	14.460.067.883	138.496.090	8.424.467.840
Thuế thu nhập cá nhân	-	483.225.139	4.393.327.179	4.463.137.229	13.774.985	427.190.074
Thuế tài nguyên	-	754.119.794	4.553.994.729	4.546.092.699	-	762.021.824
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.546.295.584	250.165.805	702.495.201	-	1.093.966.188
Các loại thuế khác	-	-	18.000.000	18.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	3.875.283.111	28.890.155.581	28.663.102.528	-	4.102.336.164
Cộng	-	25.760.637.984	56.253.824.849	67.095.749.652	152.271.075	15.070.984.256

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.14. Phải trả người lao động**

Là quỹ tiền lương và thưởng còn phải trả cho người lao động tại ngày 30 tháng 06 năm 2025.

4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Chi phí thi công, xây lắp trích trước (*)	26.867.055.073	-
Chi phí đồng phục nhân viên trích trước	4.405.000.000	216.990.000
Chi phí tiền điện trích trước	3.528.485.441	4.190.807.622
Chi phí lãi vay trích trước	3.076.416.932	3.507.021.549
Các khoản trích trước khác	3.377.167.936	1.215.414.508
Cộng	41.254.125.382	9.130.233.679

(*) Là khoản trích trước chi phí thi công, xây lắp của các dự án đã hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng trong kỳ nhưng chưa nhận được hồ sơ quyết toán và hóa đơn GTGT từ các nhà thầu.

4.16. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải trả khác cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	12.030.000	12.030.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác:		
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	3.633.264.628	3.460.333.148
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	2.701.726.056	-
Tiền nước chưa xác định đối tượng	1.917.133.256	2.591.222.890
Phí dịch vụ môi trường rừng	1.669.746.780	1.584.041.992
Các khoản phải trả khác (*)	8.520.132.964	9.726.568.575
Cộng	18.454.033.684	17.374.196.605

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, các khoản phải trả khác có số dư mỗi khoản dưới 10% tổng số phải trả khác ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.17. Vay**

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn đến hạn trả:						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II	126.068.376.709	126.068.376.709	55.621.492.760	70.446.883.615	140.893.767.564	140.893.767.564
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	70.609.798.330	70.609.798.330	35.618.056.330	34.108.896.000	69.100.638.000	69.100.638.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Đồng Nai	6.970.218.907	6.970.218.907	2.732.200.000	4.309.200.000	8.547.218.907	8.547.218.907
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh	3.370.392.574	3.370.392.574	1.838.931.869	1.527.219.261	3.058.679.966	3.058.679.966
Ngân hàng TMCP MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa	1.600.769.244	1.600.769.244	800.384.622	800.384.622	1.600.769.244	1.600.769.244
Cộng	<u>208.619.555.764</u>	<u>208.619.555.764</u>	<u>96.611.065.581</u>	<u>111.192.583.498</u>	<u>223.201.073.681</u>	<u>223.201.073.681</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn:						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II	301.907.396.736	301.907.396.736	42.542.390.908	55.621.492.760	314.986.498.588	314.986.498.588
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	200.360.166.000	200.360.166.000	29.208.653.000	35.618.056.330	206.769.569.330	206.769.569.330
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh	48.884.186.842	48.884.186.842	4.832.824.906	1.838.931.869	45.890.293.805	45.890.293.805
Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Đồng Nai	21.152.868.505	21.152.868.505	-	2.732.200.000	23.885.068.505	23.885.068.505
Ngân hàng TMCP MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa	4.402.115.423	4.402.115.423	-	800.384.622	5.202.500.045	5.202.500.045
Cộng	576.706.733.506	576.706.733.506	76.583.868.814	96.611.065.581	596.733.930.273	596.733.930.273

Thông tin chi tiết các khoản vay như sau:

▪ Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II:

Hạn mức vay: 6.361.000.000 JPY và 41.000.000 USD

Thời hạn vay: 18 đến 25 năm

Lãi suất: 0,75%/năm – 3,53%/năm

Mục đích vay: Đầu tư các hạng mục của dự án "Cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn I";
Đầu tư các hạng mục của dự án "Xây dựng mở rộng Hệ thống cấp nước Thiện Tân giai đoạn II".Tài sản đảm bảo: Tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 448.724.128.044 VND – Xem thêm Mục 4.9;
Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 283.912.022.712 VND – Xem thêm Mục 4.10.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

▪ Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai:

Hạn mức vay: Từ 2.150.000.000 VND đến 68.000.000.000 VND

Thời hạn vay: 36 đến 120 tháng

Lãi suất: 7,00%/năm

Mục đích vay: Đầu tư xây dựng cơ bản các dự án.

Tài sản đảm bảo: Tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 318.750.622.891 VND – Xem thêm Mục 4.9.

▪ Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh:

Hạn mức vay: 14.910.000.000 JPY

Thời hạn vay: 25 năm

Lãi suất: 1,4%/năm

Mục đích vay: Đầu tư các hạng mục của dự án "Cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn II".

Tài sản đảm bảo: Tài sản cố định hình thành trong tương lai.

▪ Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Đồng Nai:

Hạn mức vay: Từ 3.839.000.000 VND đến 16.729.000.000 VND

Thời hạn vay: 120 tháng

Lãi suất: 7,375%/năm – 7,4%/năm

Mục đích vay: Đầu tư xây dựng cơ bản các dự án.

Tài sản đảm bảo: Tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 62.332.290.290 VND – Xem thêm Mục 4.9;
Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 109.384.800 VND – Xem thêm Mục 4.10.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP MTV Shinhhan Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa:

Hạn mức vay: 22.209.000.000 VND

Thời hạn vay: 06 năm

Lãi suất: 6,24%/năm

Mục đích vay: Đầu tư các hạng mục của Dự án "Lắp đặt đường ống nước ở KCN Tân Đức, xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận" và "Lắp đặt song chắn rác tại đầu ống thu nước thô D1800 ở nhà máy nước Thạnh Phú, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai".

Tài sản đảm bảo: Tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 6.992.865.250 VND – Xem thêm Mục 4.9.

4.18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng VND	Quỹ phúc lợi VND	Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01	32.639.431.552	35.060.377.400	323.940.824	68.023.749.776
Trích quỹ trong kỳ	15.048.819.915	15.714.092.259	1.284.799.611	32.047.711.785
Chi trong kỳ	(4.246.221.914)	(20.434.630.924)	(1.166.889.086)	(25.847.741.924)
Tại ngày 30/06	43.442.029.553	30.339.838.735	441.851.349	74.223.719.637

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.19. Vốn chủ sở hữu

4.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu							
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024	1.200.000.000.000	118.520.157.819	26.218.693.500	(64.235.766.100)	206.806.202.080	686.208.174.630	118.031.887.864	2.291.549.349.793
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	-	196.044.235.216	7.450.297.676	203.494.532.892
Trích lập các quỹ trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	90.640.939.742	(121.484.810.856)	(818.908.608)	(31.662.779.722)
Nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tổng Công ty (**)	-	-	-	-	-	(7.888.059.864)	-	(7.888.059.864)
Tại ngày 30/06/2024	1.200.000.000.000	118.520.157.819	26.218.693.500	(64.235.766.100)	297.447.141.822	752.879.539.126	124.663.276.932	2.455.493.043.099
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	-	138.033.056.077	4.425.339.512	142.458.395.589
Trích lập các quỹ trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	-	(492.977.160)	(458.960.082)	(951.937.242)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(144.000.000.000)	(7.206.264.000)	(151.206.264.000)
Tại ngày 01/01/2025	1.200.000.000.000	118.520.157.819	26.218.693.500	(64.235.766.100)	297.447.141.822	746.419.618.043	121.423.392.362	2.445.793.237.446
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	-	114.222.486.331	8.194.065.894	122.416.552.225
Trích lập các quỹ trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	89.491.451.137	(120.304.989.971)	(1.234.172.951)	(32.047.711.785)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(192.000.000.000)	-	(192.000.000.000)
Nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tổng Công ty (**)	-	-	-	-	-	(7.888.059.864)	-	(7.888.059.864)
Tăng khác	-	-	-	-	-	39.721.275	-	39.721.275
Tại ngày 30/06/2025	<u>1.200.000.000.000</u>	<u>118.520.157.819</u>	<u>26.218.693.500</u>	<u>(64.235.766.100)</u>	<u>386.938.592.959</u>	<u>540.488.775.814</u>	<u>128.383.285.305</u>	<u>2.336.313.739.297</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(*) Cổ tức được chia theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025.

(**) Là khoản lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện tại thời điểm cổ phần hóa năm 2014. Hàng năm, Tập đoàn phải nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp trong trường hợp phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá hoặc bù trừ trong trường hợp phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá khi thanh toán các khoản vay có nguồn vốn viện trợ nước ngoài của Chính phủ. Xem thêm Mục 8.

4.19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	767.869.200.000	767.869.200.000
Vốn góp của các đối tượng khác	432.130.800.000	432.130.800.000
Cộng	1.200.000.000.000	1.200.000.000.000

4.19.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	120.000.000	120.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	120.000.000	120.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	120.000.000	120.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.19.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông công ty mẹ	114.222.486.331	196.044.235.216
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(11.764.916.092)	(20.282.132.772)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	102.457.570.239	175.762.102.444
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	120.000.000	120.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	854	1.465

Quỹ khen thưởng phúc lợi kỳ này được trừ ra khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 28 tháng 02 năm 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.19.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông công ty mẹ	114.222.486.331	196.044.235.216
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(11.764.916.092)	(20.282.132.772)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	102.457.570.239	175.762.102.444
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	120.000.000	120.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	854	1.465

Quỹ khen thưởng phúc lợi kỳ này được trừ ra khi tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 28 tháng 02 năm 2025.

4.19.6. Cổ tức

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư tại 01/01	609.223.980	780.963.680
Cổ tức phải trả	192.000.000.000	-
Cổ tức đã trả (*)	(191.247.689.300)	(106.535.500)
Số dư tại 30/06	1.361.534.680	427.302.400

(*) Trong đó, cổ tức đã trả cho các bên liên quan trong kỳ là 124.842.246.400 VND – Xem thêm Mục 8.

4.20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
<u>Ngoại tệ các loại:</u>		
USD	23.098,63	23.098,63

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cung cấp nước sạch	639.053.949.120	632.987.985.300
Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	14.787.701.578	11.981.389.091
Doanh thu bán nước tinh khiết	1.733.644.000	1.764.157.000
Cộng	655.575.294.698	646.733.531.391
Trong đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8.	78.027.112.702	84.610.769.610

5.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	388.272.985.531	383.478.749.570
Giá vốn cung cấp dịch vụ lắp đặt	10.142.861.108	8.021.962.049
Giá vốn bán nước tinh khiết	1.563.950.786	1.590.409.304
Cộng	399.979.797.425	393.091.120.923

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	14.612.632.524	12.202.095.623
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	65.619.263	3.010.324.295
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	45.606.373.143
Cộng	14.678.251.787	60.818.793.061

5.4. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	47.375.215.814	-
Chi phí lãi vay	13.111.254.031	14.676.556.553
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.373.686.892	87.288.508
Dự phòng tổn thất đầu tư	811.479.211	2.068.602.423
Cộng	62.671.635.948	16.832.447.484

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	14.875.933.666	16.258.692.542
Chi phí vật liệu, bao bì	14.223.136.417	10.664.636.799
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	766.963.854	154.822.799
Chi phí khấu hao tài sản cố định	197.338.986	232.988.624
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.131.413.361	3.330.476.006
Chi phí khác bằng tiền	3.766.891.422	3.032.204.879
Cộng	36.961.677.706	33.673.821.649

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	26.703.079.768	28.385.071.640
Chi phí vật liệu quản lý	203.511.369	207.220.295
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.626.601.641	608.059.640
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.113.575.462	1.061.367.261
Thuế, phí và lệ phí	15.517.189	15.517.189
Dự phòng phải thu khó đòi	-	4.013.070.551
Chi phí dịch vụ mua ngoài	789.576.791	946.771.076
Chi phí khác bằng tiền	5.968.860.616	5.454.726.338
Cộng	36.420.722.836	40.691.803.990

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí mua hàng	38.073.980.300	33.815.927.825
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.250.893.241	33.425.797.622
Chi phí nhân công	123.145.381.638	129.333.932.640
Chi phí khấu hao tài sản cố định	151.057.716.103	154.488.182.893
Chi phí dự phòng	-	4.013.070.551
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.905.037.259	67.230.429.543
Chi phí khác bằng tiền	49.929.189.426	45.125.243.278
Cộng	473.362.197.967	467.432.584.352

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	136.876.620.108	227.505.964.644
Điều chỉnh lợi nhuận do hợp nhất BCTC	1.269.639.733	419.212.290
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.387.527.048	4.663.765.245
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(2.532.600.000)	(1.688.400.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	137.001.186.889	230.900.542.179
Trong đó:		
- Thu nhập áp dụng thuế suất phổ thông 20%	7.599.491.936	9.213.775.346
- Thu nhập được hưởng ưu đãi thuế suất 10%	129.401.694.953	221.686.766.833
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	14.460.067.883	24.011.431.752

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế TNDN.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	29.208.653.000	70.496.619.005

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(111.192.583.498)	(111.131.745.784)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Tập đoàn chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước sạch (chiếm 97,48% doanh thu). Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn được thực hiện hoàn toàn tại tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn không bị tác động bởi những khác biệt về sản phẩm mà Tập đoàn sản xuất ra hoặc do Tập đoàn hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Tập đoàn chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Tập đoàn không trình bày thông tin theo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Công ty mẹ sau cùng
2. Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	Công ty cùng Tập đoàn
4. Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
5. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
6. Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
7. Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	Công ty cùng Tập đoàn
8. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	Công ty cùng Tập đoàn
9. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
10. Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty cùng Tập đoàn
11. Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Công ty cùng Tập đoàn
12. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	Công ty cùng Tập đoàn
13. Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
14. Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
15. Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	Công ty cùng Tập đoàn
16. Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	Công ty cùng Tập đoàn
17. Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	Công ty cùng Tập đoàn
18. Công ty Cổ phần Đầu tư quốc lộ 91 Cần Thơ – An Giang	Công ty cùng Tập đoàn
19. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng	Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	2.415.236.405	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	1.903.003.965	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	126.938.615	106.513.980
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	32.273.600	5.554.500
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	5.400.000	6.264.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	4.974.900	-
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	3.726.000	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	2.548.800	-
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	1.296.000	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	712.800	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	-	872.850
Cộng – Xem thêm Mục 4.3	4.496.111.085	119.205.330

Trả trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.4:

Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	971.186.381	-
----------------------------------	-------------	---

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	7.484.165.824	16.842.744.814
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	2.223.000	19.706.124
Cộng – Xem thêm Mục 4.12	7.486.388.824	16.862.450.938
Người mua trả tiền trước dài hạn:		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải trả ngắn hạn khác về các khoản nhận đặt cọc:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	2.400.000	2.400.000
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	4.260.000	4.260.000
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	4.800.000	4.800.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	300.000	300.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	120.000	120.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	150.000	150.000
Cộng - Xem thêm Mục 4.16	12.030.000	12.030.000
Trong kỳ, Tập đoàn đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	37.446.505.300	40.634.966.200
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	26.442.254.600	28.249.932.490
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	11.180.746.800	12.948.716.300
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	1.718.875.900	1.789.676.820
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	306.978.400	316.341.200
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	289.411.302	239.985.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	169.919.000	62.176.000
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	117.895.000	113.114.000
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	37.587.500	36.819.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	66.618.900	15.429.100
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	56.559.500	32.496.500
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	54.550.000	55.110.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	42.159.000	42.619.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	72.898.500	51.221.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	10.100.000	8.200.000
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	8.610.000	6.580.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	5.443.000	7.387.000
Cộng - Xem thêm Mục 5.1	78.027.112.702	84.610.769.610

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi trả cổ tức:		
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	122.859.072.000	-
Ông Nguyễn Văn Thiện – Thành viên HĐQT	1.920.000.000	-
Ông Nguyễn Công Hiếu – Thành viên HĐQT	4.000.000	-
Ông Nguyễn Cao Hà – Phó Giám đốc	32.000	-
Bà Nguyễn Thu Oanh – Kế toán trưởng	59.142.400	-
Cộng - Xem thêm Mục 4.19.6	124.842.246.400	-
Thu nhập khác:		
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai – Thuê mặt bằng	40.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai – Chuyển nhượng điện	104.493.368	111.198.127
Cộng	144.493.368	111.198.127
Chi phí vệ sinh, chăm sóc cây xanh:		
Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi	124.940.774	140.631.316
Chi phí xử lý nước thải:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	40.745.000	11.680.000
Nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp – Xem thêm Mục 4.19.1:		
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	7.888.059.864	7.888.059.864

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thù lao và thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty mẹ trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Kỳ này VND			Kỳ trước VND		
		Thù lao	Lương	Cộng	Thù lao	Lương	Cộng
Bà Phạm Thị Hồng	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 28/02/2025) Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 28/02/2025)	216.000.000	883.988.600	1.099.988.600	188.000.000	906.245.600	1.094.245.600
Ông Trần Văn Nguyên	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/03/2025)	32.000.000	636.845.000	668.845.000	-	-	-
Ông Đặng Văn Chắt	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 28/02/2025) Phó Giám đốc	216.000.000	719.010.000	935.010.000	198.000.000	727.240.000	925.240.000
Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	224.000.000	716.270.000	940.270.000	168.000.000	734.940.000	902.940.000
Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên HĐQT	208.000.000	-	208.000.000	168.000.000	-	168.000.000
Ông Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT	208.000.000	-	208.000.000	168.000.000	-	168.000.000
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	208.000.000	-	208.000.000	168.000.000	-	168.000.000
Ông Nguyễn Công Hiếu	Thành viên HĐQT	208.000.000	-	208.000.000	168.000.000	-	168.000.000
Ông Lê Thành Trung	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/04/2025)	-	148.600.000	148.600.000	-	-	-
Ông Nguyễn Quang Minh	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 26/07/2024)	-	-	-	-	598.940.000	598.940.000
Bà Nguyễn Thu Oanh	Kế toán trưởng	-	588.328.000	588.328.000	-	610.632.800	610.632.800
Cộng		1.520.000.000	3.693.041.600	5.213.041.600	1.226.000.000	3.577.998.400	4.803.998.400

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thù lao và thu nhập của Ban Kiểm soát công ty mẹ được hưởng trong kỳ như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>			<u>Kỳ trước VND</u>		
		<u>Thù lao</u>	<u>Lương</u>	<u>Cộng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Lương</u>	<u>Cộng</u>
Bà Lê Thị Ngọc Sáu	Trưởng Ban	-	606.409.800	606.409.800	-	617.860.000	617.860.000
Ông Nguyễn An Quốc	Thành viên	85.000.000	-	85.000.000	100.000.000	-	100.000.000
Ông Nguyễn Duy Khang	Thành viên	85.000.000	-	85.000.000	95.000.000	-	95.000.000
Cộng		170.000.000	606.409.800	776.409.800	195.000.000	617.860.000	812.860.000

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (Trích):

	<u>Kỳ trước VND</u> (Được báo cáo lại)	<u>Kỳ trước VND</u> (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.465	1.470
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.465	1.470

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do Tập đoàn xác định lại tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng phúc lợi kỳ trước theo tỷ lệ đã được phê duyệt bởi Đại hội đồng Cổ đông theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCD2025 ngày 28 tháng 02 năm 2025.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Văn Nguyên
Giám đốc

Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Bách Thảo
Người lập



Đồng Nai, ngày 15 tháng 08 năm 2025